

## PHIẾU HỦY LỆNH CANCELLATION ORDER

STC/ Ref. No.:

Ngày / Date:

### I - THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ - INVESTOR'S INFORMATION

Loại tài khoản: <i>Account type</i>	<input type="checkbox"/> Cá nhân <i>Individual</i>	<input type="checkbox"/> Tổ chức <i>Institution</i>
Số tài khoản giao dịch: <i>Account number</i>		
Tên Đại lý Phân phối: <i>The Distributor's name</i>		
Tên Nhà Đầu tư: <i>Investor name</i>		
Số Giấy CN ĐKKD/CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: <i>Business licence/ID/Passport No.</i>		
Tên người được ủy quyền: <i>Authorized person's name</i>	Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: <i>ID/Passport No.:</i>	

### II - THÔNG TIN ĐĂNG KÝ LỆNH HỦY - CANCELLATION DETAILS

Tôi/ Chúng tôi muốn đăng ký hủy những lệnh sau cho chứng chỉ quỹ:  
*I/We wish to cancel for fund certificate(s) of the following fund:*

Tên quỹ: <i>Fund name</i>		
Loại lệnh <i>Order type</i>	Ngày đặt lệnh <i>Date of order date</i>	Số tham chiếu/Số thứ tự lệnh <i>Ref.No/Order No.</i>
Lệnh mua <i>Subscription order</i>		
Lệnh bán <i>Redemption order</i>		
Lệnh chuyển đổi <i>Conversion order</i>		
Lệnh chuyển nhượng <i>Transfer order</i>		

### III - CAM KẾT CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỦ KÝ - DECLARATION AND SIGNATURE

1) Tôi/chúng tôi xác nhận rằng tôi/chúng tôi đề nghị hủy lệnh trên đây.  
*I/We confirm that i/we request to cancel the above Order.*

2) Tôi/chúng tôi hiểu rằng việc hủy những lệnh trên đây chỉ có thể thực hiện được nếu lệnh hủy được Đại lý Chuyển nhượng nhận trước thời điểm đóng sổ lệnh vào ngày giao dịch. Những lệnh hủy nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh không thể thực hiện được và những lệnh tôi/chúng tôi đã đặt sẽ được thực hiện mặc dù lệnh hủy đã được đưa ra.

*I/we understand that the cancellation of the above orders can only occur if this cancellation order is received by the Transfer Agent prior to the cut-off time at the trading day. Cancellation orders received after the cut-off time can not be implemented, and such orders will still be executed although these cancellation orders have been made.*

3)Tôi/chúng tôi xác nhận rằng khoản thanh toán mà tôi/chúng tôi đã chuyển cho Ngân hàng giám sát cho một lệnh hủy căn cứ trên lệnh hủy này sẽ được hoàn trả sau khi trừ phí liên quan tới tài khoản ngân hàng mà tôi/chúng tôi đã thực hiện thanh toán.

*I/we hereby confirm that any bank payment received by the Supervisory Bank for an order that is cancelled by way of this cancellation order shall be repaid net of charges to my/our bank account from which the payment was made.*

Nhà Đầu tư  
*Investor*

Nhân viên nhận lệnh  
*Teller*

Trưởng phòng  
*Head of Department*

Ngày.....Tháng.....Năm  
*Date.....month.....Year.....*

Ngày.....Tháng.....Năm  
*Date.....month.....Year.....*

Ngày.....Tháng.....Năm  
*Date.....month.....Year.....*

**IV - PHẦN DÀNH CHO ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI - FOR DISTRIBUTOR ONLY**

Thời điểm nhận lệnh - *Receiving Time*

Chú thích - *Note*

Nhân viên phân phối / *Broker*  
*(Ký, ghi rõ họ tên) / (Signed, full name)*

Nhân viên kiểm soát / *Controller*  
*(Ký, ghi rõ họ tên) / (Signed, full name)*

Ngày / *Date*

Ngày / *Date*